

TOÁT YẾU VÀ CHÚ GIẢI DẪN NHẬP (§§672-787)

-----o0o-----

CHƯƠNG VII

TÔN GIÁO

TOÁT YẾU

672. Trong các hình thái từ trước đến nay: ý thức, Tự-ý thức, Lý tính và Tinh thần, giai đoạn nào cũng có ý thức một cách nào đó về cái Tuyệt đối. Tuy nhiên, bản thân Hữu thể tuyệt đối vẫn chưa có ý thức về **chính mình** ở trong chúng. Ta điểm lại:
673. Cái bản chất nội tại siêu-cảm tính được giác tính (khoa học) định đề hóa (xem Chương III) tuy đã là cái Tuyệt đối nhưng chắc chắn không phải là một trường hợp của Tinh thần có ý thức về Tinh thần. Còn ý thức bất hạnh khao khát cái Tuyệt đối nhưng đã không nhận ra cái tuyệt đối như là chính mình (Chương IV). Lý tính thì thiếu cái Tuyệt đối vì nó đã tìm thấy chính mình trong tất cả những gì có mặt trực tiếp (Chương V).
674. Trong tín ngưỡng của giai đoạn trật tự đạo đức [xã hội] (Chương VI), Định mệnh là một yếu tố phi-nhân cách, phân biệt với mọi Tự ngã, nên mọi Tự ngã đã không thể nhận ra chính mình trong Định mệnh. Mặt khác, linh hồn của những người đã quá cố [trong gia đình] tuy đã vượt qua được tính cá biệt trực tiếp, nhưng vẫn chưa đạt tới được tính phổ biến đích thực.
675. Tín ngưỡng trong sự Khai sáng (Chương VI) đã có một cái Tuyệt đối trống rỗng hoàn toàn nằm ở phía bên kia cái thế giới hiện tồn đang được chấp nhận một cách đầy thỏa mãn. Cho nên nó không thể thấy được chính mình ở trong cái “**Être suprême**” [“**Hữu thể tối cao**” của triết gia] trừu tượng này của chính nó.
676. Rồi tôn giáo trong giai đoạn Luân lý và Lương tâm (cuối Chương VI) có được ý thức về cái Tự ngã phổ biến nội tại, nhưng lại để cho mọi sự dị biệt hóa và mọi tính hiện thực nằm ở bên ngoài chính mình.
677. Bây giờ, trong hình thái tôn giáo đang bàn, Tinh thần mới là **tự-giác** (có ý thức về chính mình), điều đã không xảy ra được trong các giai đoạn trước đây như đã điểm qua. Tinh thần nhận ra chính mình một cách khách quan với tư cách là **Tinh thần phổ biến** thấu hiểu mọi bản chất và mọi hiện

thực. Tuy nó có thể vẫn còn mang một hình thái tự nhiên, khách quan, nhưng hình thái này thực ra cũng hoàn toàn **“trong suốt”**.

678. Tuy nhiên, tôn giáo không hoàn toàn hợp nhất được thế giới hiện thực với cái Tự ngã được nó ý thức, do đó, có vẻ như chỉ có một sự nối kết bộ phận với thế giới này bằng cách mang những hình thức thế gian như một lớp áo khoác ngoài. Nó chưa thấy được rằng những hình thức thế gian này, trong tất cả tính hiện thực độc lập của chúng, cũng đơn giản là **bản thân Tinh thần**.
679. Tôn giáo lấy tất cả các hình thái trước đây: ý thức, Tự-ý thức, Lý tính, Tinh thần làm tiền đề. Dù tôn giáo chứa đựng tất cả các hình thái ấy trong một nhất thể, tức **không** phải một cách tuần tự tiếp diễn, song, khi được hiện thực hóa một cách cá biệt trong thế giới, tôn giáo phải hiện thực hóa chúng trong **trình tự tiếp diễn**.
680. Các giai đoạn đã dẫn đến tôn giáo như vừa nêu đều tái hiện trở lại trong tôn giáo thành những giai đoạn tôn giáo đặc thù; và khi trải qua hết các giai đoạn ấy, tôn giáo mới xuất hiện trong sự hiện thực hóa trọn vẹn nhất của nó.
681. Trong tôn giáo, các nguyên tắc của các giai đoạn tiền-tôn giáo không còn diễn ra trong sự cô lập. Ta không có ở đây một chuỗi tiếp diễn tuyến tính được ngắt quãng bằng các **điểm nút (Knoten)**, trái lại, mỗi điểm nút tập hợp tất cả những giai đoạn trước – vốn diễn ra ở các điểm nút khác nhau – và do đó, mỗi điểm nút là trung tâm của một hệ thống tỏa chiếu. Nói cách khác, ta luôn có toàn bộ tiến trình, nhưng có điểm nhấn ở từng giai đoạn.
- 682-3. Trong tôn giáo đã phát triển, ý thức là Tự-ý thức (ý thức tự giác về chính mình), nhưng chưa phải như thế ở các giai đoạn kém phát triển hơn. Trong các giai đoạn còn kém phát triển này, thoát tiên Tinh thần trực quan chính mình trong một hình thức tự nhiên trực tiếp [Cổ Ba Tư, Ai Cập, Ấn Độ], rồi Tinh thần đặt đời sống sáng tạo của mình vào trong hình thức tự nhiên trực tiếp ấy, [tôn giáo Nghệ thuật của Cổ Hy Lạp]. Sau cùng, trong tôn giáo khai thị, Tinh thần mới tự mang lại chính mình cho chính mình, nhưng cũng chỉ trong hình thức phù hợp với lối **tư duy bằng hình tượng**. Từ đó, nó phải nâng mình lên thành Tự-ý thức đích thực trong môi trường thuần túy của Tư duy Khái niệm [Tri thức tuyệt đối của Triết học]. Sau đây ta sẽ lần lượt xem xét tiến trình ấy.

A

TÔN GIÁO TỰ NHIÊN

684. Tôn giáo là sự hiện hữu ở trong tư tưởng, hay nói khác đi, tư tưởng hiện hữu cho chính mình. Còn sở dĩ tôn giáo này khác biệt với tôn giáo kia chỉ là ở chỗ tính chất này được hiện thực hóa theo cách riêng như thế nào. Mọi giai đoạn đều cùng ở trong sự phát triển của **một** tôn giáo duy nhất, xét như là tôn giáo. Trong sự phát triển ấy, lối tư duy bằng hình tượng không ngừng được giảm thiểu dần. Trong mọi giai đoạn của sự phát triển đều có mặt những mầm mống hay tàn dư vốn đã hiện diện trong các giai đoạn khác: chẳng hạn sự thống nhất hay nhất thể giữa tính phổ biến và tính cá biệt đã hoàn toàn được hiện thực hóa trong tôn giáo khai thị qua hình tượng nhập thể của đạo Ki-tô thì đều đã được hình dung trong dạng mầm mống qua các hình thức nhập thể nơi các tôn giáo khác. Tuy nhiên, dù mọi tôn giáo đều chứa đựng mọi phương diện của tôn giáo, ta không được lẫn lộn giữa mầm mống hay tàn dư với sự biểu hiện trọn vẹn. Khi Tinh thần đang ở một giai đoạn nhất định nào đó thì biểu hiện tôn giáo về giai đoạn ấy mang tính chân lý trọn vẹn của nó.

a

**THƯỢNG ĐẾ NHƯ LÀ ÁNH SÁNG
[ĐẠO THỜ LỬA CỦA CỔ BA TU]**

685. Thoạt tiên, Tinh thần có ý thức về chính mình như là toàn bộ chân lý và toàn bộ hiện thực trong hình thức của **một Khái niệm đơn thuần**, của một **Bản chất trong bóng tối** đối lập lại với những hình thức trong ánh sáng ban ngày của chính mình, với tư cách là “một bí nhiệm sáng tạo của sự dẫn sinh”. Bí nhiệm này phải được xuất nhượng hay ngoại tại hóa, phải được nhìn thấy ở trong và thông qua mọi hình thức đang phơi bày trong ánh sáng ban ngày.

686. Trong sự phân hóa trực tiếp và đầu tiên, Tinh thần-tuyệt đối xuất hiện ra cho chính mình theo phương cách của **sự xác tín cảm tính**. Nó xuất hiện ra như một Hữu thể được Tinh thần thấm nhuần, nhưng Tinh thần này lại ở trong hình thức của kẻ làm chủ, của cái trực tiếp, đối lập lại với hình thức đã quay về bên trong của Tự-ý thức. Trong thực tế, hình thái của nó là vô-hình thái, là Ánh sáng của mặt trời mới mọc ở phương đông bao trùm hết thấy, là sự phô bày mình trong những hình thức của giới Tự nhiên, nhưng vẫn tiếp tục là cái gì xa lạ, ở bên trên chúng.

687. Kiểu xuất hiện hời hợt này không thực sự quay trở về với chính mình, cũng không biến những biểu hiện của mình thực sự thành của chính mình: những biểu hiện này đơn thuần là những thuộc tính, những tùy thể, là vô số tên gọi, là những vật trang sức bề ngoài không có-tự ngã của nó mà thôi.

688. Cuộc sống chệnh choạng, thiếu tính tinh tảo và chặt chẽ này phải nâng lên

thành Tự-ý thức và mang lại sự tự tồn vững chắc cho những hình thức đang tiêu biến đi của nó. Nó phải đi đến chỗ nhận biết chính mình như là chính mình. Sự tự tồn vững chắc ấy phải được phơi bày ra trong một loạt những hình thức của cái Bản thể này.

b

**CÂY CỐI VÀ THÚ VẬT [NHƯ LÀ NHỮNG
ĐỐI TƯỢNG CỦA TÔN GIÁO] [CỖ ÁN ĐỘ]**

689. Từ chỗ nhận thấy chính mình trong những cái trực tiếp của **sự xác tín cảm tính**, tôn giáo đi đến chỗ **tri giác** chính mình trong tính đa tạp của nhiều hình thức độc lập: thoát đầu là những hình thức ngây thơ vô tội mang tính **thực vật** (đạo thờ hoa, cây cỏ) rồi đến những hình thức hung tợn mang tính **động vật** (thú vật – “những tồn tại cho-mình” –). Những vị thần thú vật của các cộng đồng người được cá thể hóa trở nên ác cảm, hận thù và đấu tranh với nhau cho tới chết, vì đó là đời sống súc sinh tách biệt với nhau và không hề có trong đó tính phổ biến tự giác.
690. Ra khỏi cuộc đấu tranh tiêu hao mang tính tự hủy này của những vị thần thú vật khác nhau, Tinh thần nhận ra chính mình trong hình thái khác: hình thái của **người thợ tác tạo** đứng phía sau những đối tượng. Nhưng, Tinh thần vẫn chưa thấy chính mình ở trong chất liệu được mình nhào nặn mà vẫn xem chất liệu này là có sẵn, được quy định và Tinh thần chỉ lao động, nhào nặn cái có sẵn này mà thôi.

C

**[TINH THẦN NHƯ LÀ] NGƯỜI THỢ TÁC TẠO
[CỒ AI CẬP]**

691. Bây giờ, Tinh thần xuất hiện như **người thợ tác tạo**, đặt chính mình vào trong sản phẩm mà không biết rằng đó là chính mình. Người thợ tác tạo lao động theo bản năng như con ong xây tổ.
692. Những sản phẩm đầu tiên của Tinh thần với tư cách này là những sản phẩm của **giác tính**, tức những cột hình tháp... trong đó đường thẳng chiếm ưu thế, còn đường tròn không được sử dụng. Tinh thần bị cầm tù trong những hình thức này như thể là cái gì đã chết, là ngoại tại với chính mình và không thể hiện như là Tinh thần.
693. Tinh thần tiến lên hình thức thể hiện cao hơn về chính mình, trong đó linh hồn được mang vỏ thân xác chứ không còn đơn thuần là công việc nhào nặn từ bên ngoài. Đồng thời, Tinh thần vẫn xem sự hợp nhất này một cách ngoại tại và vẫn lẩn tránh chính mình.
694. Tinh thần sử dụng các hình thức của cây cối, uốn nắn tính tự do (mềm dẻo) của chúng thành đường thẳng và đường tròn, thể hiện các yếu tố phổ biến nghiêm ngặt của tư tưởng và các yếu tố của nền kiến trúc tự do.
695. Rồi Tinh thần phản chiếu tính cá nhân của chính mình trong những hình thức thú vật, tuy nhiên, chúng mới chỉ là những “chữ tượng hình” của tư tưởng và không có ngôn ngữ. Ngay cả khi chúng được nâng lên để mang hình thái con người, chúng vẫn chưa biết diễn đạt bằng ngôn ngữ mà chỉ nhờ vào ánh sáng bên ngoài mới có được tiếng ngân hơn là tiếng nói có ý nghĩa. (ám chỉ các tượng thần Memnon mang hình người cất tiếng ngân như tiếng kèn hạc lúc mặt trời mọc).
696. Bản thân người thợ tác tạo vẫn còn nấn ná ở phía sau hiện trường; còn khi tự biểu hiện chính mình thì lại ở trong tính vô-hình thái của một Phiến đá đen (ám chỉ “Hòn đá đen” ở Mecca, một ngẫu tượng được sùng bái như là hiện thân của Thượng đế).
697. Người thợ tác tạo – ý thức về sự xung đột giữa cái Tự ngã rút lui về phía sau của mình và sản phẩm ở bên ngoài – thể hiện sự xung đột này trong hình thức **con Nhân sư** nửa người nửa thú, biết nói song chỉ nói ra các câu đố tuy khôn ngoan nhưng còn bí hiểm, tối tăm.
698. Bây giờ, Tinh thần bắt đầu vượt bỏ giai đoạn tôn giáo tự nhiên để thể hiện

chính mình trong sản phẩm do mình sáng tạo ra với tư cách **Nhà nghệ thuật** thay vì là Người thợ tác tạo. Tinh thần sáng tạo ra sản phẩm trong đó Tự-y thức của chính mình được biểu hiện một cách **minh nhiên**.

B

TÔN GIÁO [TRONG HÌNH THỨC] NGHỆ THUẬT [CỔ HY LẠP]

699. Tinh thần đi vào hình thái của Tinh thần **tự giác**: nó không còn pha trộn một cách không phù hợp những hình thức **dị tính** của **tư tưởng** và của **tự nhiên** lại với nhau. **Người thợ** bắt đầu trở thành **người lao động tinh thần**.
700. Tôn giáo Nghệ thuật gắn liền với Tinh thần **đạo đức** [xã hội]. Cảm hứng của nó không còn là sự ngưỡng mộ mù quáng đối với Ánh sáng như đối với người Chủ nhân ông [Cổ Ba tư], cũng không phải là cuộc đấu tranh tiêu hao, hủy hoại lẫn nhau giữa các cộng đồng dân tộc và sự áp bức của hệ thống đẳng cấp [Cổ Ấn Độ] mà là đời sống của quốc gia-dân tộc tự do, trong đó những tập tục cũng đồng thời là ý chí của mọi công dân [Cổ Hy Lạp].
701. Tuy nhiên, trong giai đoạn của trật tự **đạo đức**, Tinh thần vẫn chưa thực sự quay trở về lại bên trong nội tâm của mình từ sự chấp nhận một cách hài lòng vị trí của mình trong một xã hội mà mọi người đều có các nghĩa vụ khác nhau. Nó phải đi đến chỗ tách mình ra khỏi cuộc sống hạnh phúc, yên ả của tập tục; phải đi đến chỗ than khóc, bi ai về sự mất mát nền hạnh phúc và sự an toàn ấy trước khi có thể nâng mình vươn tới nghệ thuật đích thực.
702. Nghệ thuật tuyệt đối là sản phẩm của việc xã hội đơn thuần sống theo tập tục đã bị **đổ vỡ**. Các hình thức nghệ thuật trước đó đều chỉ là nghệ thuật theo **bản năng** chứ không phải sản phẩm của một Tinh thần **tự do**.
703. Với tư cách là nhà nghệ thuật hay nghệ nhân, Tinh thần loại bỏ tất cả những gì mang tính bản thể [nội dung đầy màu sắc] ra khỏi sự thể hiện của mình. Nó chỉ cần thể hiện chính bản thân mình, tức cái đêm tối sâu thẳm của Tự-y thức, trong đó bản thể đạo đức của tập tục bị “phản bội” [mượn hình ảnh của Juda bán Chúa]. Những gì nó quan tâm chỉ là **hình thức thuần túy** mà thôi [nghệ thuật Hy Lạp yêu thích đá cẩm thạch trắng là do chúng không còn có màu sắc].
704. Là nhà nghệ thuật, Tinh thần lựa chọn chủ đề cá nhân và có sự đam mê nội tâm (Pathos) trong việc lựa chọn ấy. Tính phổ biến của Tinh thần bị những

bức xúc của cá nhân khổng chế; rồi những bức xúc này, đến lượt chúng, lại khổng chế cái chất liệu chưa được hình thức hóa. Ở giai đoạn phát triển sau cùng của tôn giáo nghệ thuật, Tinh thần phổ biến xuất hiện ra như tác phẩm được cá thể hóa.

a

TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT TRỪU TƯỢNG

705. Tác phẩm nghệ thuật đầu tiên mang tính cá biệt một cách trừu tượng, vì mới là trực tiếp. Nó phải đi từ hình thức nghệ thuật cá biệt hóa ấy để tiến tới Tự-ý thức. Tự-ý thức, trong **ngghi lễ thờ cúng** của tôn giáo, vượt bỏ cái tồn tại-khác, xa lạ của đối tượng tôn giáo của nó.
706. Tác phẩm nghệ thuật (tượng thần) mang tính **trực tiếp** như một sự vật và xuất hiện như một **cá thể** trên cái bối cảnh **phổ biến** bao bọc nó và làm chỗ cư ngụ cho nó. Hình thức của tác phẩm ấy tránh những đường thẳng nghiêm ngặt của Giác tính, tránh sự pha trộn giữa đường thẳng và đường cong mang tính mô phỏng (bắt chước) rút ra từ những hình thái thực vật (trong nghệ thuật cổ Ai Cập). Trái lại, nó yêu thích và thoải mái trước tính vô ước (Inkommensurabilität) [tính không thể so sánh được] giữa đường thẳng và đường cong và sử dụng cả hai.
707. Hình thức điển hình của tôn giáo nghệ thuật là hình thức con người được lý tưởng hóa, còn sự tương tự của hình thức ấy với các chức năng của thú vật chỉ dừng lại ở mặt ngoài hời hợt (vd: chim đại bàng là tượng trưng cho thần Dớt). Hình thức con người được lý tưởng hóa như thế hợp nhất sự hiện hữu tự nhiên với Tinh thần tự giác. Nó có thể còn chứa đựng tàn dư của những sức mạnh cổ xưa không được chế ngự – những Titan... –, nhưng tất cả đều được chế ngự bởi một Tinh thần đồng thời là Tinh thần của một quốc gia-dân tộc tự do và tự giác.
708. Tính đa tạp không ngưng nghỉ của những cá nhân hiện thực được đưa vào sự yên bình trong tính cá nhân lý tưởng hóa của tượng thần. Tuy nhiên, trong tượng thần, người nghệ sĩ không diễn tả được tính cá nhân đầy đặn vật trong quá trình sáng tạo của mình. Cho nên, lao động sáng tạo của người nghệ sĩ hay thái độ của đám đông người thưởng ngoạn cũng thiết yếu đối với nghệ thuật không kém gì bản thân đối tượng đơn thuần của nghệ thuật (pho tượng và thần linh).
709. Nỗ lực sáng tạo của người nghệ sĩ không được biểu lộ một cách cân xứng, ngang bằng trong đối tượng-nghệ thuật. Nếu những người thưởng ngoạn đặt mình **lên trên** tác phẩm, nhà nghệ sĩ biết rằng **hành vi** sáng tạo của mình có ý nghĩa nhiều hơn biết bao so với những gì họ hiểu và phát biểu

ra: còn nếu họ đặt mình **bên dưới** tác phẩm, tức bày tỏ sự ngưỡng mộ, thậm chí quỳ gối trước tác phẩm, thì người nghệ sĩ nhận ra tính hơn hẳn của mình so với tác phẩm và với họ.

710. Vì thế, Tinh thần-tự giác đi tìm một sự biểu hiện nghệ thuật **cân xứng hơn** so với trong đối tượng-nghệ thuật đơn thuần của tượng thần. Nó tìm thấy trong **Ngôn ngữ**, vì Ngôn ngữ là sự hiện hữu tự giác trong tính trực tiếp của nó, là nơi tiến trình sáng tạo là **một** với sản phẩm được sáng tạo. **Tụng ca (Hymne)** là hình thức nghệ thuật chủ yếu, vì đó là nơi Tinh thần đặt Tự-ý thức của mình vào, và đó cũng là một Tự-ý thức **được san sẻ** cho tất cả những ai tham gia vào việc ca hát.
711. Tuy nhiên, ta có thể nhận thấy rằng: so với tụng ca thì hình thức phát biểu sơ khai của tôn giáo nguyên thủy là **sấm ngôn**. Trong sấm ngôn, Tinh thần đã chưa được nâng lên cấp độ của Tự-ý thức phổ biến, và vì thế, xem những lời phán truyền kiểu sấm ngôn bắt nguồn từ một Tự-ý thức xa lạ. Trong tôn giáo nguyên thủy ở phương đông (thần Ánh sáng của Cổ Ba Tư), những lời sấm ngôn cũng phát biểu những điều khái quát có tính thiêng liêng nhưng lại tỏ ra thô thiển, tầm thường đối với ý thức đã phát triển.
712. Trong tôn giáo Nghệ thuật, những chân lý phổ biến không còn được ban truyền theo kiểu **sấm ngôn** nữa, mà được phát hiện bằng sự phản tư của mỗi người. Những lời sấm ngôn chỉ nói về những điều vụn vặt, bất tất chứ không thể tiết lộ những việc lớn liên quan đến quốc gia-dân tộc (vd: vị Thần linh ở đền Delphi của Socrate chỉ cho ông biết về những sự việc tầm thường: có nên giao du với ai đó hay không; xuất hành có thuận lợi hay không v.v., còn dành việc suy nghĩ về những điều hệ trọng, phổ biến hơn cho bản thân Socrate).
713. Trở lại với tụng ca, ta thấy **tụng ca** còn đối lập lại với các **pho tượng** (sản phẩm trực tiếp, trù tượng lúc đầu), vì pho tượng là “sự vật” được tự ngã tạc nên và “**nằm trơ đó**” ở bên ngoài một cách tĩnh tại, trong khi tụng ca tạo nên một bộ phận của cuộc sống của tự ngã và mang tính cách tiêu biến, phù du của cuộc sống ấy.
714. Trong **ngghi lễ thờ cúng (Kultus)** của tôn giáo, Thần linh mất đi nọ tính của cái gì “**nằm trơ đó**” và những tín đồ sùng mộ cũng không còn là những kẻ phục vụ đơn thuần. Thần linh bước xuống khỏi bệ thờ, hạ giáng từ “**phía bên kia**” để đi vào trong Tự ngã; và những tín đồ sùng mộ – qua hành vi thờ cúng – hiệp thông tích cực với thần linh.
715. Sự thờ cúng **trừu tượng** biến tâm hồn con người thành một đền thờ tính thần linh chứ không đơn thuần là kẻ chiêm ngưỡng thần linh từ bên ngoài. Tuy nhiên, con người ở giai đoạn này [những người Hy Lạp cổ đại] vẫn

chưa ý thức đầy đủ về tội lỗi của mình, về khoảng cách còn rất xa giữa mình với Thần linh [cái Tuyệt đối] và tưởng rằng chỉ cần vài nghi lễ sám hối như thay tắm áo sạch là có thể thanh tẩy hết được. Còn phải trải qua một chặng đường dài của việc đào luyện tinh thần (lao động, thương, phạt...), tâm hồn mới đặt chân đến được ngôi nhà và cộng đồng của sự thiên phúc (Seligkeit).

716. Sự thờ cúng phải được thực hiện bằng **nghi lễ hiện thực** chứ không chỉ bằng tư tưởng đơn thuần. Thông qua **sự trung giới** của nghi thức này, bản chất thần linh mới đi xuống để bước vào trong tính hiện thực và trở thành **một** với Tự ngã.
717. Trong nghi lễ thờ cúng, những đối tượng tự nhiên (như Bánh và Rượu) được mang lại ý nghĩa thần linh và ý nghĩa thần linh cũng được mang lại tính cụ thể và hiện thực.
718. Nghi lễ thờ cúng bắt đầu với việc hy sinh, dâng hiến những vật phẩm tượng trưng cho nhân cách và sở hữu của người hiến tế. Nhưng thần linh cũng hy sinh chính mình, trước hết ở việc sáng tạo ra đối tượng hiến tế, rồi ở việc đi vào trong người hiến tế khi người ấy ăn những vật phẩm hiến tế. Qua đó, sự hiện hữu **khách quan** của Hữu thể tuyệt đối đã được chuyển hóa thành sự hiện hữu **tự giác** và Tự ngã **có ý thức** về sự hợp nhất của mình với Hữu thể tuyệt đối.
719. Sự thờ cúng được hiện thực hóa đầy đủ và lâu bền trong việc xây dựng Đền thờ như Ngôi nhà cho Hữu thể tuyệt đối: Đền thờ không chỉ là nơi cư ngụ của Thần linh mà còn là nơi cất giữ kho báu để mọi người có thể sử dụng và thụ hưởng **trực tiếp** sự thịnh vượng và huy hoàng của chính quốc gia-dân tộc tài hoa và hào hiệp của mình.

b

TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT SINH ĐỘNG

720. Trong tôn giáo-ngệ thuật [Cổ Hy Lạp], Tự-ý thức của cá nhân là **một** với Tự-ý thức của Tinh thần quốc gia-dân tộc, chứ không phải hoàn toàn tùy thuộc và đánh mất mình đi trong ấy như trong giai đoạn tôn giáo-ánh sáng [Cổ Ai Cập].
721. Tự-ý thức trong tôn giáo-ngệ thuật không trải qua sự gian khổ trong sáng tạo của nhà nghệ thuật. Tự-ý thức của nhà nghệ thuật là đêm tối yên bình sau khi mặt trời lặn chứ không phải đêm đen trước bình minh. Hoa trái của Tự nhiên được Tự-ý thức âm thầm tiêu thụ và thưởng thức.

722. Trong nhiều bí nhiệm tôn giáo (lễ thần Demeter, Dionysos), Bánh và Rượu làm vai trò trung giới cho sự hiệp thông và khai mở của Tinh thần với Tinh thần.
723. Trong các bí nhiệm này, Tinh thần-tuyệt đối hợp nhất với Tự-y thức của những người sùng mộ; hay nói khác đi, Tự-y thức của những người sùng mộ đánh mất chính mình trong Tinh thần-tuyệt đối.
724. Tuy nhiên, cái Tuyệt đối trong các bí nhiệm này không hoàn toàn được khai mở. Bí nhiệm của **Bánh và Rượu** chưa phải là bí nhiệm của **Thịt và Máu** như trong giai đoạn tôn giáo khai thị sau này.
725. Ở cấp độ này, cái Tuyệt đối – với tư cách nhà nghệ thuật – tìm một sự hiện thân sống động và cân xứng hơn, chứ không phải cách hiện thân “nằm trơ đó” và bất động giống như thần linh trong pho tượng điêu khắc. Cái Tuyệt đối tìm được hình thức này trong **thân hình vô địch** của người lực sĩ thể hiện sức mạnh của mình trong các Lễ hội điền kinh vĩ đại [Lễ hội thể thao Olympia ở Hy Lạp cổ đại].
726. Trong các bí nhiệm và trong các Lễ hội điền kinh, Tự-y thức được biến thành **một** với Bản chất-tuyệt đối, nhưng chưa thực sự cân bằng. Trong các đám rước cuồng nhiệt của thần Bacchus, Tự ngã say sưa mê mết, đi ra khỏi thân xác của mình; còn trong vẻ đẹp của Lễ hội điền kinh, Tinh thần lại được “thể xác hóa”. Vậy, chỉ có ở trong Ngôn ngữ thì mới có được sự cân bằng hoàn hảo giữa cái Bên trong và cái Bên ngoài. Nhưng, Ngôn ngữ cân bằng này không còn là ngôn ngữ tối tăm của sám ngôn và tụng ca như trước đây nữa mà sẽ là Ngôn ngữ sáng tỏ, rực rỡ của **Văn học**.

C

TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT [MANG TÍNH] TINH THẦN

727. Ngôn ngữ hợp nhất “những Tinh thần” khác nhau của quốc gia-dân tộc vào trong một “Đền thờ bách thần” (Pantheon). Tuy nhiên, trong ngôi đền này, có sự độc lập của những vị thần và họ quan hệ lỏng lẻo với nhau và không phục tùng một sự thống trị duy nhất.
728. Những vị Thần ngự trị trên toàn bộ giới Tự nhiên và xã hội: thủ lĩnh của họ chỉ đơn thuần là một thứ **primus inter pares** [người đứng đầu giữa những người bình đẳng]. Họ thể hiện những phương diện và quyền năng khác nhau của Tự-y thức. Sự thống nhất giữa họ được che đậy bằng một quan hệ hữu hảo bề ngoài.

729. Trong **anh hùng ca**, những phương diện khác nhau này của Tự-y thức tham gia vào một tiến trình biến chứng mang hình thức của truyện kể đầy hình tượng. Người kể chuyện hay người hát anh hùng ca là quyền lực hiện thực, hợp nhất toàn bộ khung cảnh, mang tất cả vào sự thống nhất. Dù không hiện diện trong câu chuyện, nhưng người kể chuyện phóng chiếu bản thân mình vào trong những vị anh hùng được mình kể chuyện. Trong anh hùng ca, tính phổ biến (thế giới của những thần linh) được nối kết với tính cá biệt (người kể chuyện) thông qua trung giới của tính đặc thù (nhân dân của quốc gia-dân tộc có liên quan trong hình ảnh những người anh hùng của mình).
730. Những phương diện khác nhau của Tự-y thức xuất hiện trong anh hùng ca như là những cá nhân và quyền năng (kể cả cái chết) tách biệt nhau. Tất cả được thôi thúc phải hành động từ hành động của người khác. Những thần linh và con người lặp lại việc làm của nhau; những thần linh tham dự vào hành động đều là những cá nhân chứ không phải những cái phổ biến tích cực.
731. Những thần linh được cá nhân hóa như thế tranh chấp với nhau một cách buồn cười như một trò đùa (vì do bản tính thần linh của mình, họ biết chắc là sẽ an toàn và không mang lại kết quả và hậu quả nào cả). Thế nhưng, đứng trên họ và trên mọi con người khả diệt lại là quyền năng bất khả lãnh hội của sự Tất yếu [Định mệnh].
732. Sự tất yếu thực sự biểu hiện quyền năng của **Khái niệm** đang vận hành xuyên qua tất cả những hiện thực có vẻ như độc lập với nhau ấy. Sự tất yếu lẫn khuất ở hậu trường giống như vai trò của người kể chuyện anh hùng ca. Vì thế, cả hai (sự tất yếu/người kể chuyện) đều phải được đưa vào trong khung cảnh chung.
733. Đó là điều diễn ra trong **Bi kịch**, là nơi Ngôn ngữ không còn mang tính kể chuyện nữa và là nơi những con người tự giác trở thành những kẻ phát ngôn, bởi đằng sau tấm mặt nạ (hóa trang) của họ, những nhân vật hiện thực đang có mặt.
734. Vai trò phẩm bình của người hát anh hùng ca tái hiện lại trong Bi kịch bằng vai trò của “**đoàn đồng ca** của những người lớn tuổi”. Quần chúng bình dân tìm thấy người đại biểu của mình trong sự bất lực của đoàn đồng ca này: nó không khai mở những phản tư hay phản ứng sâu xa mà chỉ đưa ra những quan sát khái quát, những mong mỏi mơ hồ, những lời an ủi yếu ớt. Trước sự tất yếu [của Định mệnh], đoàn đồng ca chỉ biết bày tỏ nỗi sợ hãi bất động và lòng trắc ẩn trống rỗng, bất lực.
735. Trong Bi kịch, những cá nhân được nâng lên tính phổ biến anh hùng, trong khi tính phổ biến của sự bình phẩm mơ hồ bao bọc họ trong hình thức của

đoàn đồng ca và của đám đông khán giả.

736. Những thế lực thần linh trong Bi kịch hiện thân thành hai đối cực của trật tự đạo đức (xem lại: §§444-463): cái đối cực mang **nữ tính** của gia đình và cái đối cực bên kia của **nam tính**, chính quyền, quyền lực xã hội.
737. Những nhân vật trong Bi kịch sống trong trạng thái phân đôi giữa việc **biết** và **không biết**. Ngay cả những thế lực của ánh sáng [sức mạnh khai mở của thần linh] vừa mang lại sự hiểu biết cho họ, vừa lừa dối họ bằng những cách phát ngôn hàm hồ, đa nghĩa, vốn được họ hết lòng tin tưởng. (chẳng hạn nhân vật hồn ma người cha trong Kịch **Hamlet** và các chị em phù thủy trong Kịch **Macbeth** của **Shakespeare**).
738. Vậy là trong Bi kịch, có hai chuẩn mực về lẽ phải: chuẩn mực sáng tỏ trong ánh sáng ban ngày của Apollo và chuẩn mực sâu kín của cõi âm nơi những nữ thần báo thù (Erinnyes).
739. **Thần Dớt (Zeus)** xuất hiện như là kẻ hòa giải tối hậu và là sự thống nhất của cả hai chuẩn mực.
740. Cả hai thế lực đều vừa đúng vừa sai và sự đấu tranh của chúng kết thúc trong cái chết của cá nhân có liên quan hoặc trong việc xá tội. Cả hai tiêu biến đi trong sự cân bằng yên tĩnh của trật tự đạo đức.
741. Ngay trong Bi kịch, thần Dớt có xu hướng thống trị trên những thế lực đạo đức riêng lẻ. Những thế lực này bị hạ thấp xuống thành những đam mê trong nội tâm cá nhân chứ không còn là những nguyên tắc phi-cá nhân vốn chà đạp cá nhân đến nát vụn.
742. Thần Dớt và sự Tất yếu ngày càng trở thành các khuôn mặt trung tâm của Bi kịch; và đoàn đồng ca nhìn thế lực này với sự sợ hãi như trước thế lực hoàn toàn xa lạ.
743. Tự-ý thức của những nhân vật [anh hùng] trong Bi kịch từng bước trút bỏ nhãn quan tự cho là hữu hạn của mình và ngày càng trở nên có tính phê phán sâu sắc.
744. Trong **Hài kịch**, diễn viên cởi bỏ mặt nạ [nhân vật] của mình và Tự-ý thức cá nhân quy giảm mọi thứ thành trò cười, kể cả những việc làm cao cả, thiêng liêng của những vị thần linh.
745. Trong Hài kịch, con người bình thường khẳng định chính mình trong sự khinh thường mọi sự. Nhưng, con người cũng khinh thường cả sự tự-khẳng định của mình.

746. *Phép biện chứng của những nhà Ngụy biện và của Socrate là sự tiếp tục của sự châm biếm, mỉa mai mang tính phủ định, phá hủy của hài kịch. Phép biện chứng này thay thế những ý kiến và điều lệnh có tính ước lệ bằng những khái niệm mơ hồ về cái Thiện và cái Mỹ.*
747. *Sự thật hay chân lý của Hài kịch là ở chỗ: mọi quy định có vẻ lớn lao, bản chất vốn đứng đối lập lại với Tự-ý thức thực ra đều là **những sản phẩm** của Tự-ý thức và **được giao phó hết** vào trong tay Tự-ý thức. Cá nhân nhận biết chính mình **như là cái Tuyệt đối** ở trong tính cá nhân của mình.*

C

TÔN GIÁO KHẢI THỊ

748. Tôn giáo-nghệ thuật đã tạo nên một bước tiến lớn khi biến cái Tuyệt đối của nó từ **Bản thể thành Chủ thể**. Nó đã đi từ chỗ tự diễn tả chính mình trong hình thức **biểu trưng** về Tự-ý thức (pho tượng), rồi sau cùng, trong ý thức hài kịch, đã đạt tới được một sân chơi, nơi đó tất cả, kể cả bản thân nó, đều phó mặc cho quyền lực của **Tự-ý thức cá nhân**.
749. Tinh thần đã đảo ngược cái nhìn về Tự ngã như một thuộc tính đơn thuần của Bản chất-tuyệt đối bằng cách xem Bản chất tuyệt đối – trong ý thức hài kịch – như là thuộc tính đơn thuần của Tự ngã. Bây giờ, nó **đảo ngược sự đảo ngược ấy**, nhưng không phải để quay trở về lại với tính thứ nhất nguyên thủy của Bản thể đơn thuần, đứng trên và đối lập lại với Tự-ý thức. Trái lại, bởi lẽ Tinh thần luôn **có ý thức** mang lại tính thứ nhất cho Bản chất-tuyệt đối, nên Bản chất-tuyệt đối vẫn tiếp tục là chính bản thân mình, tức là Tự-ý thức, còn Tinh thần là ý thức về cái Tự-ý thức ấy trong một hình thức khác mà thôi. Do đó, ta có hai phương diện **ngang bằng nhau** của Tự-ý thức thay vì tình hình trong đó một phương diện chiếm ưu thế hơn phương diện kia.
750. Tôn giáo-nghệ thuật và ý thức hài kịch là Tinh thần của một thời kỳ trong đó Tinh thần đạo đức [xã hội] đã bị xói mòn, và chủ nghĩa cá nhân thuần túy bắt đầu nổi dậy phản kháng. Đó là thời kỳ của **Pháp quyền trùu tượng** (xem: §§477-483) [ám chỉ thời kỳ đế quốc La mã sơ kỳ], khi tôn giáo đã đánh mất ý nghĩa của nó và con người chỉ còn biết sống đơn độc với chính mình.
751. Tuy nhiên, Pháp quyền trùu tượng là một sự trùu tượng trống rỗng và nó sớm chuyển hóa sang tình trạng khao khát một **cái Tuyệt đối mới**. Đế quốc La mã, trú sở của tinh thần của chủ nghĩa khắc kỷ, trở thành miếng mồi ngon cho ý thức bất hạnh.
752. Những gì chỉ là một trò đùa rỗng tuếch đối với ý thức hài kịch thì lại là một sự khốn cùng khổng lồ đối với ý thức bất hạnh. Tự-ý thức trùu tượng của ý thức bất hạnh là một sự thoái ẩn bi đát và do đó, kêu lên một cách đau đớn: **“Thượng đế đã chết”** (giống như **Martin Luther**, kẻ sinh sau để muộn hơn nhiều so với thời kỳ này).
753. ý thức bất hạnh đã mất hết mọi lý do để tôn trọng chính mình, dù với tư cách là pháp nhân hay với tư cách là hữu thể biết tư duy. Mọi biểu hiện về tôn giáo và nghệ thuật của nền văn hóa đương thời – các pho tượng thần,

các nghi lễ v.v.. – đều trở thành hết sức vô nghĩa, giống như chúng xuất hiện ra cho những nhà khảo cứu hiện đại đang tìm hiểu chúng một cách vô hồn, đơn thuần ngoại tại để tái dựng bức tranh về bối cảnh ra đời của chúng. Tuy nhiên, trong thực tế, việc tái-lý giải **của ta** về những sản phẩm cổ đại này lại **quan trọng hơn** là bản thân chúng, bởi ta thực sự **hồi tưởng** và **“nội tại hóa”** chúng (*Erinnern*). (Chúng ta đến với chúng như được một cô gái mời ta hưởng những quả ngọt đã hái sẵn, thoát ly khỏi bối cảnh hiện thực của chúng. Nhưng chính cử chỉ và thái độ trao tặng “bằng một phương cách cao hơn”, Nàng đã thu tóm tất cả bối cảnh ấy vào trong ánh mắt **tự giác, nội tại hóa**).

754. Tất cả mọi thái độ tinh thần đã ra đời trong thế giới cổ điển, – từ thái độ tác tạo, điêu khắc cho đến thái độ khắc kỷ và hoài nghi – có thể được hình tượng hóa như là sự chờ đợi sốt ruột chung quanh chỗ khai hoa nở nhụy đích thực của Tinh thần **đang trở thành Tự-ý thức**, một cơn đau đẻ vừa đầy lo âu, vừa đầy hy vọng.
755. Tinh thần có thể được suy tưởng: a) như là Bản thể đang đi ra khỏi chính mình và trở thành Tự-ý thức; b) như là Tự-ý thức đang đi ra khỏi chính mình và biến mình thành Bản thể. Ta có thể nói, Tinh thần có một **người mẹ** hiện thực, đó là Tự-ý thức, và một **người cha** chỉ đơn thuần ở dạng tiềm năng, mặc nhiên, đó là Bản thể.
756. Thoạt tiên, Tinh thần chỉ có ý thức về chính mình một cách phiến diện, một chiều theo cách (b) (Tự-ý thức đi ra khỏi chính mình và biến mình thành Bản thể). Với tư cách ấy, nó áp đặt những lý giải **chủ quan** của mình một cách tưởng tượng lên trên Tự nhiên, lịch sử và các tôn giáo quá khứ (ám chỉ các loại thờ cúng tùy tiện).
757. Nhưng, Tinh thần cũng phải có ý thức về mình theo cách (a), tức, nó phải thấy rằng những gì hiện hữu một cách trực tiếp đều mang những đặc tính của Tinh thần. Điều này diễn ra trong một thời kỳ nào đó trong lịch sử thế giới khi Tinh thần thấy chính mình ở trong sự tất yếu khách quan của những sự vật bên ngoài.
758. Vào một thời điểm thuận lợi nào đó trong lịch sử, **đức tin** (cần nhấn mạnh: đức tin chứ không phải một “sự cố lịch sử” đơn thuần) nảy sinh khiến cho Tinh thần-tuyệt đối được mang hình thức hiện thực, cảm tính. Thượng đế được xem như là đang hiện hữu trước tâm hồn đang khao khát, chứ không đơn thuần là một sự phóng chiếu hay sản phẩm tưởng tượng của tâm hồn. Thượng đế được **tin** là hiện hữu với tư cách là một Tự-ý thức cá biệt.
759. Việc “nhập thể thành người” của Thượng đế là nội dung đơn giản của tôn giáo tuyệt đối. Tinh thần là cái biết về chính mình trong sự tự-từ bỏ chính mình, và tôn giáo tuyệt đối nhận biết Thượng đế như là Tinh thần. Tôn

giáo tuyệt đối là tôn giáo khái thị, bởi vì trong đó Thượng đế được khai mở, và được khai mở như là **tự giác** về bản chất. Ta không thể đạt tới được tôn giáo tuyệt đối bao lâu đối tượng của tôn giáo là cái gì khác hơn là **Chủ thể**, bao lâu được suy tưởng đơn thuần như là cái Thiện tuyệt đối, như là đáng sáng tạo nên trời và đất v.v.. **Thượng đế phải nhận biết Thượng đế ở trong tôn giáo: Ngài phải nhận biết chính mình ở trong con người tôn giáo.**

760. Thượng đế có ý thức về chính mình trong một cá nhân con người hữu hạn, cảm tính không thể hiện một sự “đi xuống” của Thượng đế mà là thể hiện bản chất của Ngài. Vì lẽ Thượng đế không đơn thuần là một hữu thể trừu tượng, xa cách với việc hiện thân cảm tính, cụ thể: Thượng đế chỉ là chính mình một cách đầy đủ và trọn vẹn là ở trong **sự hiện diện một cách trực tiếp “ở đó” (unmittelbar da)**. “Cái thấp nhất cũng đồng thời là cái cao nhất: cái được khai mở [khái thị] đã hoàn toàn xuất hiện ra nơi bề mặt mới chính là cái [hiện thực] sâu thẳm nhất”.
761. Tôn giáo khái thị là **một** với tri thức tư biện: cả hai đạt tới cái biết về cái phổ biến như là thiết yếu **ở trong** cái cá biệt. Đây chính là tuyên ngôn hay sự điệp mà mọi thời kỳ trước đó đều đã khao khát.
762. Thế nhưng, sự cá thể hóa của cái Bản chất-tuyệt đối lại bị [tôn giáo khái thị] hình dung **bằng hình tượng** như là đã đạt được **chỉ trong một trường hợp** (Jesus), chứ không phải đồng đều trong tất cả, nghĩa là, đó không đích thực là một cái phổ biến, một Tự-ý thức mang tính Khái niệm đồng đều trong tất cả mọi người. Mọi con người chỉ được quan niệm như một số đông những cá nhân có thể **tri giác** được chứ không phải như là **một Khái niệm duy nhất** [của giác tính].
763. Nhưng sự cá thể hóa tiêu biểu trong một trường hợp duy nhất ấy của cái Bản chất tuyệt đối (Jesus) phải chết đi ở trong thời gian để có thể trở thành cái gì trong đó mọi người có thể chia sẻ được. Nếu đáng Christ không ra đi thì Chúa Thánh thần không thể đến được với cộng đồng tín hữu.
764. Việc chuyển đời sống của đáng Christ vào trong quá khứ xa xôi chỉ đơn thuần được hình dung bằng biểu tượng như là sự chuyển dịch đời sống ấy sang bình diện của những ý nghĩa phổ biến.
765. ý thức tôn giáo suy tưởng về Chân lý bằng hình tượng, mang lại sự độc lập sai lầm cho những phương diện khác nhau của những gì ý thức ấy tin tưởng. Do đó, những hình tượng này phải được tái-lý giải bằng tư duy **Khái niệm**.
766. ý thức tôn giáo đi chệch hướng khi nó thay thế đời sống phong phú của

chính nó bằng sự suy tưởng, lý giải về một khuôn mặt lịch sử và về những sự cố lịch sử cá biệt trong quá khứ.

767. Tinh thần, về bản chất, là một tiến trình đi từ tư duy thuần túy (lô-gíc) sang cái tồn tại-khác và lối tư duy bằng hình tượng (giới Tự nhiên) và rồi từ Tự nhiên quay trở về với Tự-ý thức hoàn chỉnh (Tinh thần đúng nghĩa). Nó cũng thiết yếu là sự nối kết tổng hợp của cả ba giai đoạn này.
768. Trong ý thức bất hạnh và ý thức tín ngưỡng đã có mặt một Tự-ý thức **bộ phận** về Tinh thần. Tuy nhiên, Tinh thần đã sai lầm khi quy chiếu bản thân nó vào một lãnh vực nằm ở bên ngoài **Chủ thể có ý thức**.
769. Tinh thần được quan niệm ở trong môi trường hay chất liệu (im Element) của tư duy thuần túy là vô nghĩa, trừ khi nó trở thành minh nhiên ở trong cái gì khác hơn là cái tự ngã thuần túy của nó và quay trở về với chính mình từ cái tồn tại-khác như thế.
770. Ở đó, Tinh thần **thoạt tiên** biểu hiện minh nhiên như là Bản chất (Chúa Cha); rồi như là Tồn tại-cho mình của cái Bản chất (Lời hay Ngôi Lời tạo ra giới Tự nhiên), và sau cùng, như là Tồn tại-cho mình, nhận biết chính mình trong cái Tồn tại-khác ấy (Tinh thần hay nguyên tắc của Tự-ý thức).
771. Tôn giáo hình tượng chuyển các mối **quan hệ tất yếu** giữa các yếu tố bản chất bên trong cái Tuyệt đối thành các mối quan hệ sinh thành ngoại tại giữa Cha và Con.
772. Quan hệ của những yếu tố của cái Tuyệt đối ở trong tư duy thuần túy về cái Tuyệt đối là một mối quan hệ của **tình Yêu thương** thuần túy, trong đó các phương diện được ta phân biệt trở nên không thực sự được phân biệt. Nhưng, bản chất của Tinh thần không phải để trở nên một sự vật đơn thuần của tư duy, mà phải là cụ thể và hiện thực.
773. Vì lẽ môi trường hay chất liệu (Element) của tư duy thuần túy là trừu tượng, nên nó tất yếu chuyển hóa thành vương quốc của lối tư duy bằng **hình tượng** theo kiểu trực quan, tức là vương quốc của giới Tự nhiên. Ở đó, có tính đa tạp của những sự vật mang tính bản chất và tính đa tạp của những chủ thể biết tư duy.
774. Việc chuyển hóa này thành thế giới của tư duy hình tượng-trực quan được gọi một cách hình ảnh là “sự Sáng thế”. Tính phổ biến tuyệt đối đòi hỏi sự hiện thân thành cái gì tồn tại và chính đòi hỏi lô-gíc này đã được hình tượng hóa một cách lệch lạc như là một đòi hỏi nhất thời.
775. Tinh thần không chỉ hiện thân chính mình trong những đối tượng mà cả trong **những Chủ thể**. Thoạt đầu, những chủ thể này không có ý thức về

chính mình như là có tính tình thần, nên chúng là “ngây thơ vô tội” hơn là “thiện”. Rồi Tự-ý thức **đầu tiên** của chúng mới như là có năng lực phân biệt và chọn lựa “thiện, ác”. Cho nên, Tự-ý thức đầu tiên này được tư duy bằng hình tượng một cách lệch lạc như là “**sự sa đọa**”.

776. Cái Ác là biểu hiện hiện thực đầu tiên của Tự-ý thức **bị phân hóa**, nhưng đó là một trạng thái mà Tự-ý thức – khi đi sâu hơn – ngày càng khước từ và vượt bỏ. Do đó, một cách hình tượng, cái Ác được quy ngược về cho một thời điểm quá khứ xa xôi vô tận khi **Lucifer** – đưa con đầu lòng của Chúa – sa đọa ra khỏi thiên đường. Rồi đội ngũ những thiên thần tham gia vào bức tranh như một sự đa tạp hóa của cái Tồn tại-cho mình của Ngôi Lời. Nếu ta cộng những thiên thần này vào cho Tam vị nhất thể, ta có Tứ vị nhất thể. Và nếu ta cộng cả những thiên thần bị sa đọa vào nữa, ta sẽ có Ngũ vị nhất thể. Tuy nhiên, trong Thần học, việc “đo đếm” là một việc làm vô bổ. (Cái Ác trong thực tế, là yếu tố cấu thành của cái Tuyệt đối).
- 777-8. Tư duy theo lối hình tượng của tôn giáo muốn loại trừ cái Ác ra khỏi Thượng đế, mặc dù một cách rất khó khăn khi phải nói về sự “thịnh nộ” của Thượng đế, như một phương diện của cái Ác. Thật ra, hoạt động của Thượng đế không thể là gì khác hơn là việc **kết hợp lại với nhau** cái thể giới bị phân hóa với bản chất đơn giản của Ngài; mỗi phía – không có phía bên kia – sẽ là phiến diện.
779. Tôn giáo hình tượng xem việc cứu vãn cái thể giới bị tha hóa như là một hành vi của ý chí tự do tùy tiện. Nhưng, trong thực tế, Bản chất tuyệt đối sẽ là trừu tượng và không hiện thực nếu nó không tiến hành công việc “cứu vãn”, nếu nó không đi vào lãnh vực của sự tha hóa và vượt bỏ sự tha hóa. Bản chất tuyệt đối làm điều này bằng sự sống, rồi bằng sự chết, chấp nhận gánh nặng của sự hiện thân cảm tính và nâng mình lên khỏi nó để đi vào tính phổ biến thuần túy.
780. Thượng đế trở thành bị tha hóa khỏi chính mình trong cái Ác của thiên thần (Lucifer) và của con người không có nghĩa là cái Ác ấy thực sự nằm ở **bên ngoài** Thượng đế. Hữu thể tuyệt đối ắt sẽ chỉ là một tên gọi trống rỗng nếu còn có “cái khác” tồn tại ở bên ngoài mình. **Sự tự-quy, sự “đi vào trong chính mình” (Insichgehen)** – là gốc rễ của cái Ác – là một yếu tố bản chất trong đời sống của cái Tuyệt đối. Tôn giáo này nhận ra điều này khi cho rằng Thượng đế cứu chuộc những hữu thể bị tha hóa, “tự-quy”. Các Ác, trong ý nghĩa sâu xa, là sự tồn tại-cho mình giống hệt như cái Thiện tuyệt đối; song, trong ý nghĩa sâu xa hơn, lại không phải là một, vì trong sự tồn tại-cho mình đã được phát triển đầy đủ, cái Ác được vượt bỏ. Tính tự ngã đích thực sẽ loại bỏ cái không-đúng thực. Hơn tất cả, thật sai lầm trong lãnh vực này khi sử dụng những thuật ngữ cứng đờ, cố định về tính đồng nhất và tính dị biệt mà không nhận ra sự vận động biện chứng làm cho bất kỳ điều gì cũng chuyển hóa thành một cái khác. Tự nhiên vừa

là, vừa không phải là Thượng đế, và Thượng đế là Thượng đế chỉ khi xuất phát từ chính mình để đi vào trong Tự nhiên, rồi quay trở lại với chính mình ở trong Tinh thần.

781. Tinh thần là chính mình một cách bản chất nhất là ở trong cộng đồng tôn giáo, nơi đó Con người-thần linh và Thượng đế-hiện thân thành Người được chuyển hóa thành Tự-ý thức phổ biến, nội tại của từng thành viên.
782. Cái Ác không nằm trong việc lạm dụng sự hiện hữu tự nhiên cho bằng trong chính Khái niệm của nó như là cái gì khác, xa cách với Tinh thần. Chỉ trong lối tư duy bằng hình tượng mới có việc Tự nhiên ban đầu là Thiện, rồi bị sa đọa. Còn trong cái Tuyệt đối, không có một lịch sử về các giai đoạn như thế mà chỉ có các yếu tố **kế thừa** nhau.
783. Cái Ác không gì khác hơn là sự “đi vào trong chính mình” (Insichgehen), ra khỏi tính trực tiếp của Tự nhiên, và do đó, là bước đầu tiên theo phương hướng của cái Thiện. Khi là “Ác”, tức là có ý thức về những quy phạm mình muốn chống lại để rồi rút cục sẽ tuân phục quy phạm. Không có yếu tố ngẫu nhiên trong việc “đi vào trong chính mình” để dẫn tới cái Ác: đây là một sự vận động mang tính bản chất của Tự-ý thức.
784. Thay vì nhìn sự “cứu chuộc” cái thế giới bị tha hóa như là sự tắt yếu nội tại, ý thức tôn giáo xem việc này có được là nhờ một “sự cố” đặc biệt: sự nhập thể thành người của Thượng đế và cái chết của đấng cứu thế. Nhưng, ý thức tôn giáo cũng nhận ra rằng cái chết này là một sự Sống lại, là đời sống phổ biến của Tinh thần ở trong những cá nhân của một cộng đồng tôn giáo.
785. ý nghĩa thực sự của sự Sống lại là sự loại bỏ tính cá biệt hình tượng và sự vượt bỏ nó bởi đời sống của tư tưởng. Một hữu thể cá biệt đã trở thành một Chủ thể, một Tự-ý thức phổ biến. ý niệm đơn thuần về Tự-ý thức cũng đã trở thành hiện thực cụ thể. Thượng đế – như một hình tượng – phải chết đi để Thượng đế – như một tư tưởng – có thể sống và trở thành **một** với Tự-ý thức sâu thẳm nhất của mỗi người.
786. Tinh thần là kẻ vận động, là cái được vận động và là sự vận động. Bản tính tự nhiên của Tinh thần là **tha thứ** cái Ác, là **hòa giải** cái Ác với chính mình. Nhưng cộng đồng tôn giáo nhìn tất cả những điều này **bằng hình tượng**.
787. ý thức tôn giáo không bao giờ **đồng nhất hóa được chính mình** một cách hoàn toàn với đối tượng của sự sùng mộ của mình, và cùng lắm, thì chỉ tự hình tượng hóa hay tưởng tượng là sẽ hòa nhập được với đối tượng ấy trong một tương lai vô định nào đó. Cộng đồng tôn giáo có một **người Cha** hiện thực (hành động và cái biết của chính mình), nhưng lại có một **người**

*Mẹ chỉ đơn thuần được “xúc cảm”, tức xúc cảm về một tình Yêu thương
vĩnh cửu sẽ hợp nhất nó với Thượng đế vào một ngày xa xôi nào đó.*

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP (§§672-787)

9. TÔN GIÁO HAY TRẠM CUỐI TRƯỚC KHI ĐẾN ĐÍCH

Trong khu rừng rậm của vô vàn hình thái tín ngưỡng, tôn giáo và nghệ thuật trong lịch sử và trên thế giới, Hegel khai quang cho ta một con đường rộng rãi, sáng sủa, đồng thời cũng không thiếu những khúc quanh uốn lượn đầy tình tế, bất ngờ của một kiến trúc sư bậc thầy về phép biện chứng! Chương VIII này là hình thái tiền thân, là bản phác thảo cho các công trình khổng lồ về sau của Hegel: “Các bài giảng về triết học tôn giáo” và “Các bài giảng về Mỹ học”.

Nhiều lý giải và lập luận mà ai cũng phải nhận là sâu sắc và tài tình trong chương này có thực sự thuyết phục được người đọc hay không là điều ta không thể bàn ở đây, nhưng chúng đều tỏ ra chặt chẽ và nhất quán khi Hegel dẫn ta vào một bình diện mới, hay đúng hơn, **một thế đứng** mới để theo dõi sự phát triển của Tinh thần (tuyệt đối). Từ sự hòa giải ở cuối chương trước giữa hai mặt xung đột và giằng xé của “luơng tâm”, ông báo hiệu “**Thượng đế đang xuất hiện ra giữa những kẻ biết chính mình như là cái biết thuần túy**” (§671). “Thượng đế đang xuất hiện ra” tất nhiên là một cách nói trịnh trọng và ít nhiều cường điệu, vì thực chất đó chính là tôn giáo đi vào diễn trường biện chứng như là trạm cuối trước khi đến đích: nói khác đi, như là **hiện tượng** (sự xuất hiện ra) của Tinh thần tuyệt đối và cái biết (hay đúng hơn, ở cấp độ này, là Tri thức) về Tinh thần này. Nhưng, khác với các hình thái trước đây, theo Hegel, tôn giáo là thế đứng hay quan điểm của ý thức mà từ đó bản thân Tinh thần hay cái Tuyệt đối biết về chính mình.

Cách nói này cho thấy có một sự dị biệt giữa Tinh thần tuyệt đối hiện thực với hiện tượng của nó, tức với tiến trình biết về chính mình. Với tư cách là tôn giáo, Tinh thần đi vào trong sự vận động (để vươn tới cái biết về chính mình) và tất cả vấn đề rút cục là làm sao cho “**hình thái, trong đó nó [Tinh thần tuyệt đối] xuất hiện ra cho ý thức của nó sẽ hoàn toàn ngang bằng với bản chất của nó và là chỗ Tinh thần trực nhận chính mình (sich anschauen) như là chính mình**” (§680). “Cho ý thức của nó”, nghĩa là thông qua việc xuất hiện ra trong ý thức của con người như là trong cái trung giới (thể hiện qua sự “nhập thể”/Inkarnation); đồng thời, đó cũng phải là “tiến trình đi từ tính trực tiếp của nó đến chỗ đạt được cái biết về những gì vốn là tự-mình hay vốn là một cách trực tiếp”. (nt). Còn “Hình thái trong đó... Tinh thần trực nhận chính mình như là chính mình” chỉ có thể là hình thái tối hậu của “Tri thức tuyệt đối” (Chương VIII) như là kết quả của toàn bộ tiến trình vận động của tôn giáo, từ cấp độ thấp nhất (là tôn giáo tự nhiên) đến cấp độ cao nhất (là tôn giáo khái thị). “Cao” và “thấp” giữa các hình thái tôn giáo là mức độ lệ thuộc ít hoặc nhiều hơn vào nhu cầu biểu trưng hóa cái Tuyệt đối. ý thức tôn giáo càng thấp thì mức độ biểu trưng càng ít phù hợp và ít “ngang bằng” với Tinh thần tuyệt đối. Trước khi cái Tuyệt đối (Thượng đế) được nắm bắt như là Tinh thần, con người phải sử dụng những hiện tượng tự nhiên làm những biểu trưng. Tôn giáo khái thị vượt lên cao hơn vì Thượng đế đã hiện diện và hiển nhiên, không cần hình thức biểu trưng

nữ¹⁾. “Tuy nhiên, mặc dù ở đây [trong tôn giáo khái thị], Tinh thần đã đạt tới **hình thái chân thực** của mình, nhưng chính bản thân hình thái và **tư duy hình tượng** của nó vẫn còn là một phương diện hay giai đoạn chưa được khắc phục; và từ hình thái này, Tinh thần còn phải chuyển hóa sang **khái niệm**, để trong đó, nó hoàn toàn trút bỏ được hình thức của tính đối tượng khách quan, bởi vì khái niệm bao hàm ngay trong lòng mình cái đối lập này của chính mình” (§683), và “đó mới thật là bản thân Tinh thần” (nt).

Tiến trình “trở thành” của Tinh thần (tuyệt đối) diễn ra trong các hình thái khác nhau của tôn giáo; các hình thái này được sắp xếp lại thành ba hình thức nhất định:

- **tôn giáo tự nhiên**: Tinh thần nhận biết chính mình trong hình thức của tính đối tượng khách quan;

- **tôn giáo nghệ thuật**: Tinh thần vượt bỏ tính tự nhiên và trực nhận chính mình trong việc làm (Tun) của mình;

- **tôn giáo khái thị** (hay được khái thị/die Offenbar(t)e Religion): Tinh thần hợp nhất cả hai hình thức này và tìm cách chuyển hóa vào trong **khái niệm** để loại bỏ mọi tính đối tượng khách quan ở trong chính mình, nhưng tiến trình chuyển hóa này chỉ có thể đạt được ở trong “triết học tư biện”, khi nó cởi bỏ lớp áo của lối tư duy bằng **hình tượng** còn sót lại trong tôn giáo khái thị.

Không quá mất thời gian để đi vào chi tiết của ba hình thức trên (đã được tóm tắt trong phần Toát yếu), ta ghi nhận điều cốt yếu sau đây: theo Hegel, khi tôn giáo, rút cục, đã diễn đạt được (tuy trong hình thức còn mù mờ của hình tượng) cái bản tính đích thực của Thượng đế và mối quan hệ đích thực giữa Thượng đế và con người, nó được gọi là “tôn giáo khái thị”, theo nghĩa: trong đó Tinh thần tự hiển lộ (khái thị) chính mình một cách đúng thực, đồng thời tự hiển lộ như một Bản chất mà bản tính cốt yếu là ở trong sự tự-hiển lộ, tức Bản thể trở thành **Chủ thể**. Như thế, đạo Ki-tô và thần học Ki-tô giáo thể hiện **toàn bộ chân lý** của triết học tư biện, chỉ có điều thể hiện **bằng những hình tượng**. Hegel lý giải thần học Ki-tô giáo theo tinh thần ấy của triết học tư biện: ý **niệm** tất yếu phải hiện thân, rồi từ sự tha hóa này quay trở lại vào trong chính mình bằng cách nhận ra chính mình trong sự hiện thân ngoại tại này. “...Tôn giáo diễn đạt được nội dung: “Tinh thần là gì?” sớm hơn Khoa học [triết học] về mặt thời gian, nhưng chỉ duy Khoa học này mới là **Tri thức đúng thật** của Tinh thần về chính mình” (§802). Tính tất yếu tư biện bị những hình tượng (như “sáng tạo”, “phạm tội tổ tông”, “giáng thế”, “chết đi”, “sống lại”, “lên trời”, “hiện xuống trong cộng đồng tôn giáo”, “cứu chuộc”...) che khuất và xuyên tạc. Trút bỏ lớp áo “hình tượng” này, học thuyết tư biện đích thực sẽ lộ rõ. Đó là: cái **Phổ biến** thuần túy phải đi vào sự hợp nhất với cái **Cá biệt**, và cái **Cá biệt** cũng phải tự nâng mình lên khỏi tính cá biệt của mình để có thể hợp nhất với cái **Phổ biến**. Quan hệ giữa hai hình thái ý thức này **đã là cao điểm** của cuối chương trước như là quan hệ giữa cái **Ác** và sự tha thứ cái **Ác**, giữa ý thức hành động và ý thức phán xét. Bản chất của hình tượng “phạm tội tổ tông” là ở chỗ: ý thức hành động không thể tránh khỏi chấp nhận cái **Ác**, và, mặt khác, cái **phổ biến** – mà cái **Ác** chống lại – cũng chỉ có thể tồn tại với cái giá phải trả này. Vì thế, cái **Phổ**

biến phải chấp nhận sự hiện thực hóa thông qua cái Cá biệt và “tha thứ” cho tính cá biệt nay đã, về phía mình, biết “ăn năn sám hối”. Bằng cách ấy, hai đối cực đi đến sự thống nhất, hòa giải.

Chương “Tôn giáo” thực chất là minh họa cho tiến trình hòa giải đã được giải quyết về **nguyên tắc** ở cuối Chương “Tinh thần”⁽¹⁾; vấn đề chỉ còn là phải diễn đạt nó trong sự sáng tỏ hoàn toàn của tư duy tư biện. Khi đạt được điều ấy, sân khấu của những hình thái ý thức sẽ “hạ màn”, hay, cũng có thể nói ngược lại, được “vén màn” để đi vào “Tri thức tuyệt đối”!.

⁽¹⁾ Có lẽ đó là lý do khiến **H. Schnädelbach** (1999: 76) cho rằng việc Hegel viết chương “Tôn giáo” đặt trước chương “Tri thức tuyệt đối” là khó lý giải và cho rằng để hiểu và theo dõi **cấu trúc nội tại** của quyển HTHTT, chương “Tôn giáo” này có thể là hoàn toàn không cần thiết?.